

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai về thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4798/QĐ-SYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Bệnh viện Nhi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu về thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2026 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tổ chức - Hành chính Quản trị, phòng Tài chính - Kế toán, phòng Kế hoạch tổng hợp – Công nghệ thông tin và các khoa phòng liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Ban lãnh đạo (b/c);
- Đăng Website bệnh viện;
- Lưu :VT, TC-KT.



Đặng Hữu Chiến

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
QUÝ I NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 547/QĐ-BVNGL Ngày 09 / 4 / 2026 của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý I năm 2026/năm 2026	Ước thực hiện Quý I năm 2026/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý I năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	0,000	13,500		
1	Lệ phí	0,000	13,500		
	Phí tuyển dụng viên chức		13,500		
	Lệ phí B				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0,000	13,500		
1	Chi sự nghiệp.....	0,000	13,500		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		13,500		
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0,000	0,000		0,00%
1	Lệ phí				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý I năm 2026/năm 2026	Ước thực hiện Quý I năm 2026/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý I năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Lệ phí A	0,000			
	Lệ phí B				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	223,000	10,000	4,48%	0,52%
I	Nguồn ngân sách trong nước	223,000	10,000	4,48%	0,52%
1	Chi quản lý hành chính	0,000	0,000	0,00%	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	223,000	10,000	4,48%	0,54%
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý I năm 2026/năm 2026	Ước thực hiện Quý I năm 2026/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý I năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	223,000	10,000	4,48%	
-	Kinh phí hỗ trợ bệnh nhân nghèo nằm điều trị nội trú	223,000	10,000	4,48%	
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý I năm 2026/năm 2026	Ước thực hiện Quý I năm 2026/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý I năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý I năm 2026/năm 2026	Ước thực hiện Quý I năm 2026/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý I năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý I năm 2026/năm 2026	Ước thực hiện Quý I năm 2026/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý I năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

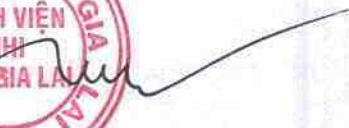
KẾ TOÁN


Nguyễn Thị Hoài Thu

Gia Lai, ngày 09 tháng 4 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ




Đặng Hữu Chiến